

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/DS-PT  
Ngày: 08-02-2018  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng  
chuyển nhượng quyền sử dụng  
đất”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Hoàng Vũ  
Các Thẩm phán : Bà Trần Thị T Hà  
: Ông Ngô Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 221/2017/TLPT-DS ngày 28/12/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2017/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1.1. Bà Võ Ngọc T. , sinh năm 1976

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh An Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Ngọc T. có ông Trần Công L. , sinh năm 1980, địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh An Giang.(có mặt)*

- Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn T. , sinh năm 1970 (có mặt)

2.2. Bà Lê Thị Ngọc L. , sinh năm 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã M, huyện M, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thành L. , sinh năm 1970. (có mặt)  
Địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Ông Trần Văn T. , bà Lê Thị Ngọc L. là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung án sơ thẩm

**Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Võ Ngọc T. trình bày:** Vào khoảng tháng 01.2013 đến tháng 7.2016 vợ chồng ông T, bà L có vay tiền của bà T nhiều lần đến ngày 20.7.2016 giữa các bên có chót nợ lại với nhau, tổng cộng ông T, bà L nợ tiền vay của bà T 480.000.000 đồng. Sau đó ông T, bà L không có khả năng thanh toán nên ông T bà L yêu cầu bà giảm 30.000.000 đồng để ông T, bà L chuyển nhượng đất ngang 15m, dài 46m cho bà với giá 450.000.000 đồng để trừ nợ. Việc sang nhượng có lập Tờ mua bán đất có vợ chồng ông T, bà L ký tên với nội dung vợ chồng ông T, bà L đồng ý sang nhượng phần đất diện tích ngang 15m, dài 46m với giá 450.000.000 đồng cho bà T , sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày làm Tờ mua bán thì vợ chồng ông T, bà L sẽ làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà T , phía sau Tờ mua bán đất có biên nhận nội dung đã nhận đủ tiền bán đất do bà L viết và ký tên. Sau khi làm tờ mua bán bà T bơm cát lấp hầm trên phần đất chuyển nhượng với số tiền 35.000.000 đồng thì phát hiện phần đất này ông T, bà L đã thế chấp cho Ngân hàng. Nay bà T yêu cầu hủy Tờ mua bán đất ngày 20.7.2016 giữa bà với ông Trần Văn T. và bà Lê Thị Ngọc L. , yêu cầu ông Trần Văn T. và bà Lê Thị Ngọc L. trả cho bà số tiền sang nhượng đất 450.000.000 đồng và số tiền bà T bơm cát san lấp mặt bằng trên phần đất tranh chấp là 25.000.000 đồng. Bà rút yêu cầu đối với phần tính lãi chậm trả đối với số tiền 450.000.000 đồng, bà rút yêu cầu không yêu cầu ông T, bà L trả số tiền bơm cát 10.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu bồi thường đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nguyên đơn xác định không tranh chấp Hợp đồng vay với vợ chồng ông T, bà L mà thống nhất chuyển số tiền vay thành tiền chuyển nhượng đất. Do ông T bà L rút lại chứng cứ là Tờ mua bán ngày 20.7.2016 mà ông T, bà L đã cung cấp cho Tòa án có chữ ký của bà T nên bà rút lại yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà trong Tờ mua bán ngày 20.7.2016 do ông T, bà L cung cấp cho Tòa án.

**Bị đơn ông Trần Văn T và bà Lê Thị Ngọc L trình bày:** Khoảng năm 2014 bà L có vay tiền của bà T nhiều lần với hình thức vay trả gởi đầu đến tháng 6.2016 thì giữa bà L với bà T có chót lại số nợ qua đó bà L còn nợ bà T số tiền 120.000.000 đồng. Do không có khả năng thanh toán số tiền trên cho bà T nên ông T, bà L có thỏa thuận sang nhượng cho bà T phần đất vườn tạp ngang 15m, dài 46m với giá 450.000.000 đồng để trừ số nợ vay 120.000.000 đồng, phần còn lại bà T trả cho vợ chồng ông bà là 330.000.000 đồng. Việc sang nhượng có làm giấy tay ngày 19.7.2016 và ngày 20.7.2016 giấy tay do ông T viết, vợ chồng ông T và bà T có ký tên, sau đó bà T mang về nhà cho chồng bà là ông Lâm ký tên, sau đó mỗi người giữ

một bản. Khoảng 02 ngày sau bà T và bà L đến nơi làm việc của ông T và đưa Tờ mua bán đất ghi ngày 20.7.2016 do bà T lập và yêu cầu vợ chồng ông T, bà L ký lại với lý do giấy tay mua bán trước không hợp lệ. Sau khi ký tên xong bà T photo ra mỗi người giữ một bản. Cùng ngày bà T kêu bà L đến Công an xã M để ký biên nhận nhận số tiền 450.000.000 đồng. Ông T, bà L xác định số tiền thỏa thuận sang nhượng đất 450.000.000 đồng nhưng bà T chỉ mới giao cho vợ chồng ông bà 120.000.000 đồng khấu trừ từ số tiền vay, còn số tiền 330.000.000 đồng bà T chưa giao cho vợ chồng ông T, bà L. Thấy rằng giữa các bên đã thống nhất hủy tờ mua bán đất ngày 20.7.2016 do bà T cung cấp nên vợ chồng ông T, bà L xin rút lại chứng cứ là Tờ mua bán ngày 19.7.2016 và ngày 20.7.2016 mà ông T, bà L đã cung cấp cho Tòa án. Bà L xác định bà có ký tên trong biên nhận với nội dung nhận đủ số tiền bán đất với Võ Ngọc T 450.000.000 đồng là do bà T yêu cầu bà ký để vài bữa sau bà T đưa tiền đủ nhưng bà T không thực hiện. Nay đối với yêu cầu của bà T, ông T bà L thống nhất hủy Tờ mua bán đất ngày 20.7.2016 giữa bà T với vợ chồng ông T và bà L, nhưng ông T bà L chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 120.000.000 đồng. Việc bà T bơm cát vào phần đất sang nhượng, vợ chồng ông T bà L cũng đồng ý nhận phần cát trên và đồng ý trả số tiền bơm cát là 25.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông T, bà L xin trả số tiền trên với hình thức trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Ông T, bà L xác định không yêu cầu bồi thường đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ông bà không tranh chấp đối với Hợp đồng vay giữa vợ chồng ông bà với bà T mà thống nhất chuyển số tiền vay thành tiền chuyển nhượng đất.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành L trình bày:** Ông với bà T chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn, giữa bà T với ông T bà L thỏa thuận sang nhượng đất như thế nào ông không biết. Tuy nhiên, việc vay tiền giữa bà T với vợ chồng ông T bà L ông có biết số tiền vay là nhiều nhưng không biết cụ thể số tiền bao nhiêu. Nay đối với việc tranh chấp giữa bà T với ông T bà L ông không có ý kiến cũng như không có yêu cầu gì. Do ông T bà L rút lại chứng cứ là Tờ mua bán ngày 20.7.2016 mà ông T, bà L đã cung cấp cho Tòa án có chữ ký của ông nên ông rút lại yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông trong Tờ mua bán ngày 20.7.2016 do ông T, bà L cung cấp cho Tòa án.

**Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trình bày:** Bà và bà T có mối quan hệ chị em bạn. Đối với ông T, bà L bà chỉ quen biết. Do bà T không biết chữ nên có nhờ bà viết dùm tờ mua bán đất. Khoảng buổi sáng ngày 20.7.2016 tại nhà bà T bà có viết dùm bà T tờ mua bán đất nội dung ông T bà L đồng ý sang nhượng đất cho bà T với số tiền 450.000.000 đồng. Khi bà viết tờ bán đất này chỉ có bà và bà T, sau đó giữa các bên ký kết như thế nào thì bà không biết. Sau đó, bà không nhớ chính xác thời gian bao lâu bà T có điện thoại nhờ bà xem dùm chữ ký trong tờ mua bán đất, bà T1 có kêu bà T ngoài giờ hành chính đến cơ quan của bà T1, chiều cùng

ngày bà T và bà L đến, bà T kêu bà L viết biên nhận, bà L có hỏi bà viết biên nhận như thế nào, bà có hướng dẫn bà L viết và có cho mượn tâm bông để bà L lăn tay, viết ký tên xong bà L và bà T ra về.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số 121/2017/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện M đã xử:***

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ngọc T. đối với ông Trần Văn T. và bà Lê Thị Ngọc L. .

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Võ Ngọc T. với ông Trần Văn T. và bà Lê Thị Ngọc L. vô hiệu.

Buộc ông Trần Văn T. và bà Lê Thị Ngọc L. trả cho bà Võ Ngọc T. số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Công nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn T. và bà Lê Thị Ngọc L. trả cho bà Võ Ngọc T. chi phí bơm cát 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ngọc T. đối với yêu cầu tính lãi chậm trả trên số tiền 450.000.000 đồng và yêu cầu chi phí bơm cát 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo và thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 10 năm 2017, ông Trần Văn T. và bà Lê Thị Ngọc L. cùng có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông T và bà L trình bày: Chỉ yêu cầu kháng cáo phần tiền phải trả cho bà T, chỉ đồng ý trả số tiền nợ vay còn thiếu 120.000.000 đồng, thực tế không nhận số tiền 330.000.000 đồng. Không kháng cáo phần tiền bà T đã bơm cát mà vợ chồng tôi phải chịu 25.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

Ông L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Thống nhất theo án sơ thẩm, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông T, bà L.

Ông T và bà L tranh luận như sau: theo tờ bán đất và biên nhận nhận tiền chỉ ghi là nhận đủ tiền bán đất chứ không thể hiện có sự thống nhất của chúng tôi đồng ý chuyển nợ vay số tiền 450.000.000 đồng thành tiền chuyển nhượng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xử như vậy chúng tôi không đồng ý, đề nghị HĐXX xem xét giúp cho chúng tôi. Bà T nói là 6 tháng sẽ trả tiền và sang tên nên chúng tôi tin và để bà T bơm cát. Bà T biết rõ đất này tôi thế chấp tại ngân hàng nhưng đồng ý mua chứ không phải là không biết.

Ông L tranh luận như sau: việc bơm cát dài ngày nên ông T và bà L cho rằng không biết là không đúng, bà T bơm cát vì nghĩ rằng đất của mình đã mua. Tờ mua bán đất lập ngày 20/7/2016 nhưng sau này bà T mới biết là bị gạt vì đất được thế chấp tại ngân hàng nên mới khởi kiện đòi tiền lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Trần Văn T. , bà Lê Thị Ngọc L. là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Các bên thực tế có vay tiền, tuy nhiên bà L và ông T chỉ thừa nhận là có vay 120 triệu đồng, các bên có chuyển nhượng đất với nhau, có chuyển số tiền vay thành tiền chuyển nhượng, bà L có viết biên nhận đã nhận đủ 450.000.000 đồng tiền bán đất, bà L , ông T không chứng minh được chỉ vay 120.000.000 đồng, do đó cấp sơ thẩm buộc bà L và ông T trả cho bà T 450.000.000 đồng là có cơ sở. Bà L và ông T kháng cáo nhưng không có chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T, bà L thấy rằng: Các đương sự trong vụ án thống nhất với nhau về việc ông T, bà L có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T vào ngày 20/7/2016 với giá 450.000.000 đồng và cũng thống nhất với nhau trước đó vợ chồng ông T, bà L có vay tiền của bà T hiện còn nợ lại và khi chuyển nhượng đất số tiền vay còn thiếu sẽ chuyển thành số tiền thanh toán chuyển nhượng của bà T. Các bên đương sự cũng thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên, yêu cầu hủy bỏ hợp đồng này và không yêu cầu giải quyết phần hậu quả của hợp đồng do không tiếp tục thực hiện. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu và không xem xét tính lỗi, bồi thường thiệt hại giữa các bên mà chỉ giải quyết phần nghĩa vụ phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận là có căn cứ. Cụ thể bà T trả lại đất cho vợ chồng ông T, bà L và ông T, bà L phải trả lại tiền cho bà T. Hiện diện tích đất này ông T và bà L vẫn đang quản lý, sử dụng.

[2] Tuy nhiên các đương sự chưa thống nhất với nhau về số tiền mà ông T và bà L đã vay của bà T và đã chuyển thành số tiền thanh toán của bà T trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà T cho rằng ông T, bà L phải trả lại cho bà 450.000.000 đồng vì ông T, bà L nợ vay của bà 450.000.000 đồng nên trong biên nhận bán đất mới ghi là đã nhận đủ tiền bán đất 450.000.000 đồng. Phía ông T và bà L chỉ thừa nhận số nợ vay chỉ là 120.000.000 đồng, sở dĩ bà L ghi biên nhận là

nhận đủ 450.000.000 đồng tiền bán đất là do bà T1 đọc cho bà ghi và bà T bảo là ghi đi rồi bà T sẽ trả cho bà 330.000.000 đồng còn lại.

[3] Xét về nội dung của tờ biên nhận do bà L ghi và ký phía sau tờ mua bán đất ngày 20/7/2016 thì thấy bà L ghi đã nhận đủ tiền bán đất của bà T là 450.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T xác nhận sau khi ký biên nhận thì bà không có giao khoản tiền nào cho bà L và ông T. Do đó có cơ sở xác định trong việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất giữa các bên thì các bên thực tế không có giao nhận tiền mặt.

[4] Ngoài nội dung biên nhận bà L nhận đủ tiền bán đất 450.000.000 đồng thì bà T không có chứng cứ nào chứng minh vợ chồng ông T và bà L thừa nhận số nợ vay là 450.000.000 đồng và đồng ý chuyển số nợ vay 450.000.000 đồng thành tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; mặt khác, toàn bộ quá trình giải quyết vụ án ông T, bà L chỉ thừa nhận chỉ vay 120.000.000 đồng của bà T và chỉ đồng ý chuyển 120.000.000 đồng này để cầm trừ tiền chuyển nhượng đất. Ông T và bà L cũng không thừa nhận việc các bên thỏa thuận hủy hết các chứng từ về các khoản vay và bà T không chứng minh được việc các bên thống nhất hủy toàn bộ sổ sách, chứng từ vay giữa các bên để không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T, bà L vay 450.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chỉ dựa vào tờ biên nhận bà L ghi đã nhận đủ tiền chuyển nhượng đất 450.000.000 đồng để cho rằng vợ chồng ông T, bà L có đồng ý chuyển số tiền vay 450.000.000 đồng để cầm trừ cho số tiền nhận chuyển nhượng của bà T là chưa đủ căn cứ. Việc bà T có bơm cát vào đất cũng không đủ cơ sở xác định việc các bên thống nhất chuyển số nợ vay 450.000.000 đồng thành tiền nhận chuyển nhượng đất. Do đó, chỉ có cơ sở chấp nhận việc ông T và bà L chỉ chấp nhận việc chuyển 120.000.000 đồng thành tiền nhận chuyển nhượng đất, và hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu thì chỉ có cơ sở chấp nhận buộc ông T và bà L hoàn trả cho bà T 120.000.000 đồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T và bà L, sửa bản án sơ thẩm buộc ông T và bà L trả cho bà T 120.000.000 đồng. Vụ án này các bên tranh chấp với nhau số tiền đã thanh toán cần phải trả lại nên đây là vụ án có giá ngạch, cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án không có giá ngạch trong việc tranh chấp số tiền này và tính án phí theo án phí không có giá ngạch là chưa chính xác, do đó cấp phúc thẩm điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể ông T và bà L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải trả là  $5\% \times 120.000.000đ = 6.000.000đ$ . Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là 330.000.000đ, cụ thể là:  $330.000.000đ \times 5\% = 16.500.000đ$ .

[5] Đối với các phần nội dung khác không có kháng cáo thì có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Trường hợp bà T cho rằng ông T và bà L còn khoản nợ vay của bà ngoài số tiền 120.000.000 đồng đã chuyển thành tiền thanh toán chuyển nhượng nêu trên thì có thể khởi kiện tranh chấp thành một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: ông T và bà L không phải chịu.

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T. và bà Lê Thị Ngọc L. .

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 121/2017/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh An Giang:

+ Buộc ông Trần Văn T. và bà Lê Thị Ngọc L. phải liên đới trả cho bà Võ Ngọc T. số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

+ Điều chỉnh án phí dân sự sơ thẩm: ông T và bà L phải liên đới chịu 6.000.000đ (sáu triệu đồng) đối với nghĩa vụ về tài sản phải trả 120.000.000đ cho bà T và 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đối với nghĩa vụ phải trả lại 25.000.000đ tiền bơm cát cho bà T ; bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng cho số tiền 330.000.000đ không được tòa án chấp nhận), khấu trừ với 200.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004836 ngày 30.112016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, nên còn phải nộp thêm 16.300.000đ (mười sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T. và bà Lê Thị Ngọc L. không phải chịu, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp theo biên lai thu số 0014477 ngày 24/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh An Giang.

Các phần nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị sửa là có hiệu lực pháp luật thi hành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*****Nơi nhận:***

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND huyện M (1)
- THA huyện M (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự “Đề thi hành”
- Lưu: hồ sơ.

**Trần Hoàng Vũ**



